TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **21/**2022/HNGĐ – ST
Ngày: 15/3/2022
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Thị Thận;
2/ Ông Trần Đức Hòa;

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Thủy – Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 457/2021/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022, về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐST – HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1977
Nơi cư trú: Thôn 9, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước
- *Bị đơn:* Anh Bùi Đình H, sinh năm: 1971
HKTT: Thôn 9, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước
Nơi cư trú: Khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

T*ại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 12 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Đình H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn tại theo quy định của pháp luật. quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn đôi bên thường xuyên cãi nhau. Anh Bùi Đình H cho rằng chị ghen tuông vô cớ. Hai bên thường xuyên xảy ra hục hặc. Đến năm 2010 thì chị và anh Bùi Đình H sống ly thân cho đến nay. Nay vợ chồng tình cảm không còn nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Bùi Đình H.

Về con chung: Chị và anh Bùi Đình H có hai con chung tên là Bùi Đình L, sinh năm: 1998 và Bùi Hồng Nh, sinh năm 2002. Hai con đã thành niên nên chị không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Bị đơn anh Bùi Đình H vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh Bùi Đình H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Th chung sống với nhau từ năm 1997 và không đăng ký kết hôn. Anh và chị Nguyễn Thị Th chung sống đến năm 2008 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và đã ly thân từ năm 2008. Trong thời gian ly thân mạnh ai nấy sống, kinh tế độc lập. Nay chị Nguyễn Thị Th yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị Th có hai con chung tên là Bùi Đình L, sinh năm: 1998 và Bùi Hồng Nh, sinh năm 2002. Hai con đã thành niên nên chị không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 87 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th. Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Bùi Đình H.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Bùi Đình H có hai con chung tên là Bùi Đình L, sinh năm: 1998 và Bùi Hồng Nh, sinh năm 2002. Hai con đã thành niên nên chị không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Bùi Đình H (là bị đơn) vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Bùi Đình H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Bùi Đình H đều khai nhận anh chị tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997, 1998 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng"*. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Bùi Đình H không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[3] Về yêu cầu giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th: Theo lời khai của chị Nguyễn Thị Th và anh Bùi Đình H đều thừa nhận quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn và nay đều nhất trí tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Điều 87 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Toà án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Luật này"*. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th về quan hệ hôn nhân.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Bùi Đình H khai nhận vợ chồng có 02 con chung tên là Bùi Đình L, sinh năm: 1998 và Bùi Hồng Nh, sinh năm 2002. Lời khai của chị Nguyễn Thị Th và anh Bùi Đình H phù hợp với giấy khai sinh đã được giao nộp hợp pháp. Chị Nguyễn Thị Th, anh Bùi Đình H, Bùi Đình L và Bùi Hồng Nh đều xác nhận Bùi Đình L và Bùi Hồng Nh đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không ai yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

[5] Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *"Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn"*. Do đó, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 87 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Th. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Bùi Đình H và chị Nguyễn Thị Th.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Th và anh Bùi Đình H có 02 con chung tên là Bùi Đình L, sinh năm: 1998 và Bùi Hồng Nh, sinh năm 2002. Hai con đã thành niên có đủ khả năng nhận thức, không ai yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0000205 ký ngày 22 tháng 12

năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước *(đã nộp xong).*

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/3/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Cổng thôn tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh